

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	15
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	18
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	18
Mở đầu	18
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	18
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	21
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	22
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	24
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.	27
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	28
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	29

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	31
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	33
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	35
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	37
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	40
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	42
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	44
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	45
Mở đầu	45
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn.	45
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.	47
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị.	49
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn.	51
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.	53
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	55
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	57

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	58
Mở đầu	58
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.	58
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	60
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	62
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	63
Mở đầu	63
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.	63
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	66
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.	68
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục.	71
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	73
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	74
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	-
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	-
Tiêu chí 1.6		x	x	-
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	-
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	-
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	-
Tiêu chí 3.2		x	x	-
Tiêu chí 3.3		x	x	-
Tiêu chí 3.4		x	x	-
Tiêu chí 3.5		x	x	-
Tiêu chí 3.6		x	x	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	-

Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	-
Tiêu chí 5.2		x	x	-
Tiêu chí 5.3		x	x	-
Tiêu chí 5.4		x	x	-

Kết quả: Đạt Mức 2

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non 20/10

Tên trước đây (nếu có): Không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Bình Tân

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Huỳnh Hồng Trang
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Bình Tân	Điện thoại	037.8904188
Xã/phường/thị trấn	An Lạc A	Fax	Không có
Đạt CQG	Không có	Website	https://mn20-10.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2016	Số điểm trường	01 điểm chính
Công lập	X	Loại hình khác	Không có
Tư thực	Không có	Thuộc vùng khó khăn	Không có
Dân lập	Không có	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không có
Trường liên kết với nước ngoài	Không có		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	01	00	01	01	01
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	01	02	01	02	02
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	01	02	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	02	02	02	02	02
Lớp ghép 2 độ tuổi	01	00	00	01	00
Cộng	06	06	06	06	06

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	07	07	07	07	07	
1	Phòng kiên cố	07	07	07	07	07	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng phục vụ học tập	01	01	01	01	01	
1	Phòng kiên cố	01	01	01	01	01	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính quản trị	18	18	18	18	18	
1	Phòng kiên cố	18	18	18	18	18	
2	Phòng bán	00	00	00	00	00	

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
	kiên cố						
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	01	01	01	01	01	
1	Bếp ăn	01	01	01	01	01	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	02	02	02	02	02	
	Cộng	29	29	29	29	29	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 9 năm 2024

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	01	01	01 Thạc sĩ giáo dục mầm non
Phó hiệu trưởng	01	01	00	00	01	01	
Giáo viên	15	15	01	01	15	05	
Nhân viên	09	07	00	01	09	01	01 Đại học
Cộng	25	24	01	00	26	08	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	13	14	12	14	16
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên(đối với nhóm trẻ)	37/2 = 18,5	38,2 = 19,00	21/2 = 18,5	30/2 = 18,5	22,2 = 19,00
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	00	00	00	00	00
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	213/11 = 19,56	142/12 = 11,83	17/10 = 17,00	197/12 = 16,40	206/14 = 14,70
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	00	00	00	01	01
6	Tổng số	00	00	00	00	00

	giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)					
7	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00

4. Trẻ em

T T	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	230	180	191	227	228	
	- Nữ	102	83	94	109	107	
	- Dân tộc thiểu số	00	00	00	00	00	
2	Đối tượng chính sách	00	00	00	00	00	
3	Khuyết tật	00	00	00	00	00	
4	Tuyển mới	80	80	35	88	127	
5	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00	
6	Bán trú	230	180	191	227	228	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	223/06 =38,33	180/06 =30,00	191/06 =31,8	227/07 =32,40	228/7 =32,57	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm						
	Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	00	00	00	00	00	

T T	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	25/01 = 25	00	21/01 = 21	30/01 = 30	22/01	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	37/01 = 37	50/02 = 25	31/01 = 31	57/02 = 28,5	57/02 = 28,5	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	45/01 = 45	60/02 = 30	62/02 = 31	64/02 = 32	68/02 = 34	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	86/02 = 37	70/02 = 35	77/02 = 38,5	76/02 = 38	81/02 = 40,05	
9	Lớp ghép 2 độ tuổi	37/01 = 37					

5. Các số liệu khác (nếu có): Không có

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non 20/10 được thành lập năm 2015 theo Quyết định số 4341/QĐ-UB ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân. Trường gồm 01 điểm chính. Điểm chính diện tích 1.224,28m² tọa lạc tại đường 17B thuộc phường An Lạc A, quận Bình Tân. Trường được xây dựng khang trang, thoáng mát, an toàn. Hệ thống trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đầy đủ đáp ứng cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn đoàn kết, có trách nhiệm, năng động, sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ. Giáo viên yêu nghề, mến trẻ, luôn học hỏi tìm tòi và vận dụng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động nhằm phát huy tính tích cực của trẻ. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ ngày càng được nâng cao. Năm học 2024-2025, trường có 15/15 giáo viên đạt trình độ chuẩn, tỷ lệ 100% trong đó trên chuẩn là 05/10 đạt tỷ lệ 66,66%. Tổng số học sinh của trường là 191 trẻ chia thành 06 nhóm, lớp. Trong quá trình hình thành và phát triển, nhà trường đã đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” nhiều năm liền.

Trường có Chi bộ độc lập giữ vai trò lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của đơn vị. Chi bộ được đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Công đoàn cơ sở đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Ban đại diện cha mẹ trẻ luôn tích cực phối hợp và hỗ trợ nhà trường trong các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

2. Mục đích tự đánh giá

- Giúp nhà trường từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

- Thông qua kết quả tự đánh giá làm căn cứ giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhà trường để được cơ quan chức

năng đánh giá và công nhận Trường Mầm non 20/10 đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Thời gian	Nội dung hoạt động
03/6/2024- 28/6/2024	- Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng tự đánh giá và các vấn đề liên quan đến triển khai hoạt động tự đánh giá. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá. - Họp Hội đồng tự đánh giá để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng tự đánh giá; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân; - Triển khai các hoạt động tự đánh giá. - Dự thảo và ban hành kế hoạch tự đánh giá. - Phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.
01/7/2024- 05/7/2024	- Tổ chức tập huấn về nghiệp vụ tự đánh giá cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường. - Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí.
16/7/2024- 23/7/2024	- Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện: - Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí (tiếp theo việc tuần 2); - Phân loại và mã hóa các minh chứng thu được. - Hội đồng tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập bảng danh mục mã minh chứng. - Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các phiếu đánh giá tiêu chí.
24/7/2024-	Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các phiếu đánh giá tiêu chí

Thời gian	Nội dung hoạt động
31/7/2024	(tiếp theo việc tuần 3-5).
01/8/2024- 15/8/2024	Họp hội đồng tự đánh giá để: - Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động tự đánh giá. - Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng tự đánh giá; - Chính sửa, bổ sung các nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí (trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng); - Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung. - Dự thảo báo cáo tự đánh giá.
15/8/2024- 22/8/2024	Họp Hội đồng tự đánh giá để: - Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung liên quan; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo tự đánh giá; - Thông qua báo cáo tự đánh giá đã chỉnh sửa, bổ sung; - Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường; - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo tự đánh giá; - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá sau khi có các ý kiến góp ý; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.
23/8/2024- 31/8/2024	1. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá. Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành. 2. Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn trong đó có nội dung đã hoàn thành hoạt động tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp để lấy ý kiến.

Thời gian	Nội dung hoạt động
	3. Chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp. 4. Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). 5. Lưu trữ báo cáo tự đánh giá, các minh chứng và các tài liệu liên quan theo quy định.

Công cụ đánh giá: Căn cứ vào Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Hàng năm, Trường Mầm non 20/10 xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục và tình hình của địa phương, đơn vị. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản, chuyên môn. Bên cạnh đó, trường luôn thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ.

Các hội đồng trong trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

a) Căn cứ vào kế hoạch năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân; trường xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31/12/2015, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường cụ thể hóa Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp [H1-1.1-01].

b) Kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hằng năm [H1-1.1-01].

c) Trường thực hiện công khai kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được phê duyệt, trường thực hiện công khai trong tập thể hội đồng sư phạm thông qua hình thức niêm yết tại bản tin nội bộ của trường [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch năm, tháng để triển khai thực hiện kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường một cách cụ thể; cán bộ quản lý thường xuyên họp để đề ra các giải pháp theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả [H1-1.1-03].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với sự tham gia của các thành viên trong hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.1-01]. Tuy nhiên, chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch năm học thể hiện đầy đủ phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; có các biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch.

3. Điểm yếu

Chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 -2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương và tình hình thực tế tại đơn vị. Bên cạnh đó, hiệu trưởng tổ chức lấy ý kiến cha mẹ trẻ và cộng đồng để bổ sung, hoàn chỉnh hơn trong việc xây dựng kế hoạch.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng Trường Mầm non 20/10 được thành lập theo quy định gồm 07 thành viên [H1-1.2-01]. Ngoài ra, trường còn có hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-02], hội đồng chấm sáng kiến [H1-1.2-03].

b) Hội đồng trường quyết nghị về mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hằng năm của nhà trường; quyết nghị quy chế tổ chức và hoạt động; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về tổ chức nhân sự; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường; việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

c) Các hội đồng của trường thực hiện theo kế hoạch, có rà soát, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

Mức 2:

Các hội đồng trong trường hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua kết quả bình xét thi đua, khen thưởng, xét duyệt sáng kiến [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]. Tuy nhiên, thành viên trong Hội đồng trường chưa mạnh dạn tham gia ý kiến cho các hoạt động của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các hội đồng theo quy định. Từng hội đồng thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và góp phần nâng cao chất lượng phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Các thành viên trong Hội đồng trường chưa mạnh dạn tham gia ý kiến cho các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì các hội đồng trong nhà trường và tổ chức hoạt động đạt hiệu quả, Chủ tịch Hội đồng trường tạo điều kiện, khuyến khích các thành viên trong Hội đồng trường mạnh dạn tham gia ý kiến cho các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Công đoàn cơ sở Trường Mầm non 20/10 gồm 27 công đoàn viên [H1-1.3-01], Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 03 đoàn viên [H1-1.3-02]. Ngoài ra, trường có các tổ chức xã hội khác hội chữ thập đỏ với 27 hội viên [H1-1.3-03], hội khuyến học với 27 hội viên [H1-1.3-04].

b) Công đoàn cơ sở Trường Mầm non 20/10 trực thuộc Liên đoàn lao động quận Bình Tân [H1-1.3-01], Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trực thuộc Đoàn phường An Lạc A [H1-1.3-02]; hội chữ thập đỏ hoạt động theo kế hoạch của Hội Chữ thập đỏ quận Bình Tân [H1-1.3-03]. Hội khuyến học hoạt động theo kế hoạch của hội khuyến học phường An Lạc A [H1-1.3-04].

c) Các đoàn thể và các tổ chức xã hội luôn được kiểm tra, đánh giá hằng năm: “công đoàn Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” nhiều năm liền [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; hội chữ thập đỏ xếp loại “Xuất sắc” [H1-1.3-03], hội khuyến học được tuyên dương “Đơn vị học tập 2023”[H1-1.3-04]. Tuy nhiên, hội khuyến học chưa có kế hoạch và chương trình hoạt động cụ thể.

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Mầm non 20/10 có 12 đảng viên trực thuộc Đảng ủy phường An Lạc A. Hằng tháng, chi bộ sinh hoạt định kỳ theo quy định để đánh giá các hoạt động trong nhà trường, công tác chính trị tư tưởng, công tác xây dựng Đảng và chỉ đạo hoạt động của các đoàn thể; chi bộ được đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” năm 2019 đến năm 2023 [H1-1.3-05].

b) Hằng năm, công đoàn và đoàn thanh niên đều có đóng góp tích cực cho hoạt động của nhà trường thông qua việc giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho Đảng, tham gia các phong trào, các hội thi do cấp trên phát động; hội khuyến học và hội chữ thập đỏ phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ tặng quà cho học

sinh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán [H1-1.3-01] [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 3:

a) Chi bộ Trường Mầm non 20/10 được đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” năm 2019 đến năm 2023 [H1-1.3-05].

b) Tất cả các đoàn thể và các tổ chức trong nhà trường đều có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]. Tuy nhiên, hiện nay số lượng đoàn viên thanh niên của trường ít nên một số hoạt động còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Chi bộ, các đoàn thể và các tổ chức xã hội hoạt động theo đúng quy định và có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Số lượng đoàn viên thanh niên của trường ít nên một số hoạt động còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường duy trì và phát huy vai trò của các đoàn thể, các tổ chức xã hội. Tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo của chi bộ trong việc chỉ đạo các hoạt động. Hiệu trưởng phối hợp với Hội khuyến học đề ra chương trình hoạt động của Hội khuyến học phù hợp với tình hình thực tế tại trường. Bí thư chi đoàn phối hợp chặt chẽ với Đoàn phường lựa chọn các hoạt động phong trào phù hợp với điều kiện đặc điểm, thời gian của đoàn viên trong trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 20/10 là trường hạng II, nhà trường được bố trí cán bộ quản lý gồm 01 hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng [H1-1.4-01].

b) Trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn gồm 01 tổ nấu ăn (03 nhân viên nấu ăn) và 01 tổ giáo viên (16 giáo viên ở 05 lớp mẫu giáo và 01 lớp nhà trẻ). Tổ văn phòng gồm 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ (kiêm nhiệm văn thư), 01 nhân viên y tế, 02 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ [H1-1.4-02].

c) Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định: tổ chuyên môn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tổ văn phòng giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ. Tổ chuyên môn, tổ văn

phòng tham gia đánh giá, xếp loại đề xuất khen thưởng, kỷ luật các thành viên trong tổ [H1-1.4-02].

Mức 2:

a) Hằng năm, để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, tổ chuyên môn đều có đề xuất và thực hiện các chuyên đề về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ cấp trường [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

b) Hằng tháng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần để rà soát, đánh giá, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.4-02]. Tuy nhiên, nội dung sinh hoạt của tổ nấu ăn chưa phong phú.

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường thông qua kết quả các hội thi như: hội thi giáo viên dạy giỏi [H1-1.4-05], các hội thi do công đoàn và đoàn thanh niên phát động [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

b) Kết quả thực hiện các chuyên đề của tổ chuyên môn đã góp phần nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại trường [H1-1.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ cán bộ quản lý, tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các tổ hoạt động có hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nội dung sinh hoạt của tổ nấu ăn chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, nhà trường duy trì cơ cấu bộ máy tổ chức cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Phó hiệu trưởng tăng cường công tác bồi dưỡng cho tổ nấu ăn về kiến thức dinh dưỡng, cách chế biến các món ăn cho trẻ để làm phong phú và nâng cao hơn nữa chất lượng sinh hoạt của tổ nấu ăn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

1.5. Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2024-2025, trường có 06 nhóm, lớp được phân chia: 01 nhóm trẻ 25-36 tháng tuổi; 01 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 02 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi, 02 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H1-1.5-01].

b) Trường tổ chức học bán trú cho 191/191 trẻ, tỷ lệ 100% [H1-1.5-02].

c) Trường không có một trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

Học sinh được phân chia lớp đúng theo quy định Điều lệ trường mầm non. Năm học 2024-2025, trường có 191 trẻ được phân chia cụ thể như sau: 01 nhóm trẻ 25-36 tháng tuổi: 09 trẻ; 01 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 37 trẻ; 02 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 75 trẻ; 02 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 70 trẻ [H1-1.5-01].

Mức 3:

Nhà trường hiện có 06 nhóm, lớp phù hợp với quy định [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trường có các lớp được phân chia theo đúng độ tuổi và tổ chức cho trẻ học bán trú 100%.

3. Điểm yếu

Số trẻ ở nhóm 25-36 tháng tuổi chưa đạt chỉ tiêu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, trường tiếp tục tuyển sinh đúng số lượng trẻ theo quy định Điều lệ trường mầm non và duy trì phân chia lớp học đúng độ tuổi. Hiệu trưởng có kế hoạch tuyển trẻ nhóm 25-36 tháng tuổi đủ chỉ tiêu.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường sắp xếp hồ sơ, văn bản và lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật Lưu trữ [H1-1.6-01], có đầy đủ hệ thống văn bản hiện hành về quản lý tài chính, tài sản [H1-1.6-02], [H1-1.6-03].

b) Căn cứ vào Luật ngân sách và chỉ đạo của cấp trên, nhà trường lập dự toán thu chi ngân sách hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị; Thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, kiểm tra tài sản; thực hiện công khai và tự kiểm tra tài chính, tài sản định kỳ theo quy định; xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở lấy ý kiến thảo luận đóng góp của tập thể để bổ sung cập nhật phù hợp với các quy định hiện hành [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

c) Trường luôn quan tâm, thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản đúng quy định, đúng mục đích và có hiệu quả trong việc phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm Epmif [H1-1.6-01]. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán Imas [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

b) Từ năm 2019 đến tháng 02 năm 2024 trường thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài sản, tài chính và không có vi phạm liên quan đến việc quản lý theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.6-04].

Mức 3:

Trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định; thực hiện việc quản lý và

sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trường tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản cũng như thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả. Quý III năm 2024, kế toán tham mưu với hiệu trưởng xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn tạo ra các nguồn tài chính nhằm phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, trường đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên[H1-1.7-01].

b) Hằng năm, nhằm đảm bảo cho hoạt động của đơn vị đạt hiệu quả, hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên một cách rõ

ràng, phù hợp [H1-1.7-02].

c) Nhà trường luôn quan tâm và thực hiện đúng chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm; chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mỗi năm 01 lần. Đội ngũ luôn được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được thực hiện các quyền theo quy định [H1-1.6-02].

Mức 2:

Để phát huy năng lực cán bộ, giáo viên, nhân viên trong xây dựng và phát triển nhà trường ngoài việc phân công đúng vị trí việc làm trường còn thực hiện các biện pháp: tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ qua việc hỗ trợ kinh phí học tập [H1-1.7-03], qua bình xét đánh giá thi đua hàng tháng [H1-1.2-02]. Tuy nhiên, trường hiện có 03 nhân viên nấu ăn chưa tham gia học nâng chuẩn trung cấp do hạn chế về trình độ học vấn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường phân công hợp lý và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực cũng như thực hiện tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ; đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách và quyền lợi theo quy định.

3. Điểm yếu

Hiện còn 03 nhân viên nấu ăn chưa tham gia học nâng chuẩn trung cấp do hạn chế về trình độ học vấn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục duy trì việc phân công và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, phát huy việc thực hiện tốt các chế độ chính sách để động viên đội ngũ thực hiện tốt nhiệm vụ. Hiệu trưởng động viên, tạo điều kiện cho 01 nhân viên nấu ăn tham gia học bổ túc thường xuyên để đủ điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ kế hoạch hằng năm của Phòng giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân cũng như của bậc học mầm non, Trường Mầm non 20/10 xây dựng kế hoạch giáo dục đầy đủ các nội dung theo quy định; kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng dựa trên hướng dẫn chỉ đạo của Phòng giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân cũng như tình hình thực tế của địa phương và đơn vị [H1-1.4-03].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục theo năm, tháng, tuần cụ thể theo từng độ tuổi [H1-1.8-01].

c) Hằng tuần, tổ trưởng chuyên môn và phó hiệu trưởng duyệt kế hoạch giáo dục của các lớp để rà soát, đánh giá và hướng dẫn giáo viên các nhóm lớp thực hiện điều chỉnh kịp thời [H1-1.8-02]. Giáo viên thường xuyên theo dõi, đánh giá trẻ để điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp tình hình thực tế và khả năng của trẻ [H1-1.8-02].

Mức 2:

Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra các hoạt động chuyên môn để kịp thời chỉ đạo đánh giá công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại đơn vị [H1-1.4-03]. Kết quả công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại trường luôn được cơ quan quản lý đánh giá hiệu quả thông qua kết quả thi đua cuối năm của đơn vị đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” [H1-1.4-06]. Tuy nhiên, có

01 giáo viên mới chuyển công tác từ Long An nên việc xây dựng kế hoạch đôi lúc nhầm lẫn giữa mục tiêu và nội dung.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục, có các biện pháp rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch kịp thời đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Có 01 giáo viên mới chuyển công tác nên còn nhầm lẫn giữa mục tiêu và nội dung khi xây dựng kế hoạch giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, nhà trường duy trì việc quản lý các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng hướng dẫn, giúp đỡ các giáo viên mới chuyển công tác từ Long An trong việc xác định mục tiêu, nội dung giáo dục một cách cụ thể để xây dựng kế hoạch phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trước khi ban hành kế hoạch năm học, quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường, quy chế chi tiêu nội bộ, tiêu chuẩn thi đua, nhà trường tổ chức thảo

luận lấy ý kiến tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định [H1-1.9-01].

b) Trong các năm học qua, nhà trường không xảy ra các trường hợp khiếu nại, tố cáo, phản ánh của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hay của cha mẹ trẻ; các kiến nghị của đội ngũ và cha mẹ trẻ thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được hiệu trưởng giải quyết đầy đủ, đúng quy định [H1-1.9-02].

c) Nhà trường có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm [H1-1.7-03].

Mức 2:

Việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường luôn đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả thông qua việc công khai quy chế thực hiện dân chủ của đơn vị cho đội ngũ nắm bắt đồng thời có sự giám sát của Ban thanh tra nhân dân trong các hoạt động về thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị và có báo cáo kết quả thực hiện thông qua các buổi họp, hội nghị; các báo cáo của Ban thanh tra nhân dân về giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường còn mang tính chung chung, chưa cụ thể [H1-1.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ trong việc xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế của đơn vị, đảm bảo tốt việc công khai minh bạch rõ ràng, hiệu quả và không xảy ra khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Các báo cáo của Ban thanh tra nhân dân về công tác giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường còn mang tính chung chung, chưa cụ thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của đơn vị, hiệu trưởng phân công các đoàn thể tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của đội ngũ nhân viên, khuyến khích động viên đội ngũ. Hiệu trưởng chỉ đạo Chủ tịch công đoàn

hướng dẫn Ban thanh tra nhân dân thực hiện các báo cáo về công tác giám sát quy chế dân chủ trong nhà trường một cách cụ thể.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường.

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; An toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; phòng, chống dịch bệnh

[H1-1.10-06]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-06]. Trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ ăn bán trú tại trường, bếp ăn được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý đặt trước cổng trường, có phân công cán bộ tiếp công dân để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của phụ huynh, của người dân; phân công nhân viên bảo vệ trực 24/24 giờ để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong trường [H1-1.10-07].

c) Trong nhà trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.1-01].

Mức 2:

a) Trường có công tác pháp chế để tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-08]; [H1-1.1-02].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Từ năm học 2019-2020 đến tháng 5 năm 2024, trường không có thông tin biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Tuy nhiên, trường nằm trong khu vực chợ tự phát nên vẫn còn một số người dân thường xuyên tụ tập mua bán trước cổng trường [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trong trường học; Đảm bảo công tác phổ biến; hướng dẫn, thực hiện các phương án và không để xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số người dân vẫn thường xuyên tụ tập buôn bán trước cổng và xung quanh trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai, chỉ đạo thực hiện và thường xuyên kiểm tra, giám sát, nhắc nhở cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, an toàn cho trẻ ở mọi lúc, mọi nơi. Hiệu trưởng tham mưu phối hợp với đội quản lý trật tự đô thị phường An Lạc A để chấm dứt tình trạng tụ tập buôn bán hàng rong.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

*** Điểm mạnh nổi bật**

Trường có kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, có các biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch. Trường có cơ cấu tổ chức và bộ máy hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định. Cán bộ quản lý thực hiện tốt công tác quản lý: hành chính, tài chính, tài sản, nhân sự, quản lý các hoạt động giáo dục; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở và đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

*** Điểm yếu cơ bản**

Chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng kế hoạch năm học.

Hiện tại, số trẻ ở nhóm 25-36 tháng tuổi chưa đạt chỉ tiêu.

Trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/00

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ

Mở đầu:

Trường Mầm non 20/10 đảm bảo đầy đủ nhân sự theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, trường luôn chú trọng nâng cao chất lượng của đội ngũ: tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao năng lực quản

lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có thời gian công tác là 25 năm, trong đó có 10 năm làm công tác quản lý, phó hiệu trưởng có thời gian công tác là 15 năm, trong đó có 01 năm làm công tác quản lý. Có 01/02 cán bộ quản lý có bằng Thạc sĩ chuyên ngành giáo dục mầm non và 01/02 cán bộ quản lý có bằng Cử nhân chuyên ngành giáo dục mầm non, 02/ 02 cán bộ quản lý đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý trường mầm non, có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn nghiệp vụ năng lực về quản lý và có đủ sức khỏe làm việc [H1-1.4-01].

b) Cuối năm học, trường tổ chức họp hội đồng sư phạm để đánh giá cán bộ quản lý theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

c) Cán bộ quản lý luôn tích cực tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho công tác quản lý [H1-1.4-01]. Tuy nhiên, phó hiệu trưởng chưa tham gia học nâng chuẩn chuyên môn sau đại học.

Mức 2:

a) Trong những năm học qua, tất cả cán bộ quản lý đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non, cụ thể:

STT	Năm học	Tổng số CBQL	Tự đánh giá			Cấp trên đánh giá	
			Tốt	Khá	Đạt	Tốt	Khá
01	2019-2020	02	02			02	
02	2020-2021	02	02			02	
03	2021-2022	02	02			02	
04	2022-2023	01	01			01	
05	2023-2024	02	02			02	

Tất cả 02/02 cán bộ quản lý đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng [H2-2.1-01].

b) 02/02 cán bộ quản lý đã hoàn thành lớp trung cấp lý luận chính trị, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H1-1.4-01].

Mức 3:

Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023-2024 hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá xếp loại tốt theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.3-01].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý đầy đủ và đạt trình độ chuẩn theo quy định; có năng lực quản lý và được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên.

3. Điểm yếu

Hiện tại, phó hiệu trưởng chưa tham gia lớp học sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục học tập để nâng cao năng lực quản lý và tạo sự tin nhiệm trong đội ngũ sư phạm nhà trường. Đến tháng 6 năm 2025, hiệu trưởng động viên phó hiệu trưởng tham gia học lớp nâng chuẩn sau đại học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định.
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%.
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó

khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong năm học 2023 - 2024, trường có 16 giáo viên cơ cấu vào 07 nhóm, lớp; đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, thực hiện bố trí 02 giáo viên phụ trách một nhóm trẻ và lớp mẫu giáo đảm bảo hợp lý về cơ cấu để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định [H1-1.7-03].

b) Trình độ chuyên môn của giáo viên đạt chuẩn 16/16, tỷ lệ 100% [H1-1.4-01].

c) Năm học 2023 - 2024, trường có 16/16 giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định, trong đó có 16/16 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-01].

Mức 2:

a) Trong năm học 2023 - 2024, nhà trường có 11/16 giáo viên có trình độ trên chuẩn, đạt tỷ lệ 68,75%; 16/16 giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, tỷ lệ 100%; Trong 05 năm liên tiếp, tính từ năm học 2019 - 2020 đến nay, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì, ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-01], cụ thể:

Trình độ	Năm học				
	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
Trung cấp	01	01	01	00	00
Cao đẳng	06	07	07	04	05
Đại học	04	06	05	10	10

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến năm học 2023 - 2024, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên theo quy định chuẩn nghề nghiệp [H2-2.2-01].

c) Từ năm học 2019-2020 đến nay, trường không có giáo viên bị kỷ luật dưới bất kỳ hình thức nào [H1-1.1-01].

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo chưa cao. Trong đó, trình độ đại học: 11/16 (tỷ lệ 68,75%); trình độ cao đẳng 5/16 (tỷ lệ 31,25%) [H1-1.4-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến năm học 2023 - 2024 có 16/16 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, tỷ lệ 100% [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên và đạt chuẩn trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ giáo trình độ đào tạo ở trình độ đại học còn thấp so với mặt bằng chung của các trường trong quận.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phát huy các mặt kỹ năng khác cho giáo viên nhằm đáp ứng các yêu cầu trong tiêu chuẩn đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên để đảm bảo tỷ lệ đạt chuẩn ở mức tốt ngày càng cao so với mặt bằng chung của các trường trong quận,

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có số lượng nhân viên đáp ứng nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.7-02]. Nhà trường chưa có nhân viên văn thư để thực hiện công tác văn thư lưu trữ, nên hiệu trưởng phân công nhân viên thủ quỹ kiêm nhiệm công tác văn thư để đảm nhiệm việc lưu trữ hồ sơ sổ sách tại đơn vị [H1-1.7-02].

b) Đội ngũ nhân viên của nhà trường được phân công các nhiệm vụ phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn theo quy định [H1-1.4-01].

c) Đội ngũ nhân viên luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H2-2.3-01].

Mức 2:

a) Trường có 09 nhân viên phụ trách các công việc: 01 kế toán, 01 thủ quỹ (kiêm nhiệm văn thư), 01 y tế, 02 bảo vệ, 01 phục vụ và 03 nhân viên nấu ăn, [H1-1.7-03].

b) Từ năm học 2019-2020 đến nay, không có nhân viên bị kỷ luật bất cứ hình thức nào [H1-1.1-01].

Mức 3:

a) 08/09 nhân viên (tỷ lệ 88,88%) được đào tạo đúng chuyên môn đáp ứng vị trí việc làm. Tuy nhiên, nhân viên y tế chưa có trình độ chuyên môn trung cấp y sĩ (đang học đến tháng 12 năm 2024 tốt nghiệp) [H1-1.4-01].

b) Hằng năm, hiệu trưởng luôn tạo điều kiện để nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Đa số nhân viên đều có trình độ đào tạo phù hợp và đạt chuẩn, được phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao.

3. Điểm yếu

Nhân viên y tế chưa có trình độ chuyên môn trung cấp y sĩ (đang học đến tháng 12 năm 2024 tốt nghiệp).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phân công nhân viên đúng theo vị trí việc làm; khuyến khích nhân viên y tế hoàn thành khóa học trung cấp y sĩ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

*** Điểm mạnh nổi bật**

Trường có đủ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định. Cán bộ quản lý có năng lực tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường. Đội ngũ giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định và nhân viên được đào tạo để thực hiện nhiệm vụ, tỷ lệ giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt yêu cầu; nhà trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

*** Điểm yếu cơ bản**

Hiện tại, phó hiệu trưởng chưa tham gia lớp học sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Tỷ lệ giáo trình độ đào tạo ở trình độ đại học còn thấp so với mặt bằng chung của các trường trong quận.

Nhân viên y tế chưa có bằng trung cấp y sĩ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/00

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư, cải tạo ngày càng khang trang. Các thiết bị dạy học trong lớp và ngoài trời theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được trang bị đầy đủ để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có tổng diện tích đất là 1.224,28m²/191 trẻ, bình quân 6,4m²/trẻ, cho một trẻ, đảm bảo theo quy định tại Thông tư 13/2020-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H3-3.1-01].

b) Trường có 01 cổng chính và 01 cổng phụ, biển tên thực hiện đúng quy định, thiết kế rõ ràng, đẹp mắt; có tường rào bao quanh, có khuôn viên đảm bảo vệ sinh, cảnh quan sạch đẹp, môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ [H3-3.1-01].

c) Trường có sân chơi, hiên chơi và hành lang các lớp thông thoáng, thiết kế phù hợp; sân chơi chung có đồ chơi phù hợp, có mái che an toàn cho trẻ [H3-3.1-01]; [H1-1.1-02].

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình 487,50m²/1.224,28m², tỷ lệ 39,80%; diện tích sân vườn, cây xanh, sân chơi, bãi tập 589,14m²/1.224,28m², tỷ lệ 48,06% [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có vườn rau trong sân trường và vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H1-1.1-02].

c) Khu vực trẻ chơi ngoài trời có bố trí đủ thiết bị và đồ chơi theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 09 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non [H3-3.1-02].

Mức 3:

Sân vườn có bố trí các đồ chơi theo danh mục và ngoài danh mục phù hợp đảm bảo an toàn cho trẻ [H1-1.1-02]. Tuy nhiên, đồ chơi tự làm trò chơi dân gian chưa được bền.

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo diện tích bình quân trên trẻ đúng quy định, có khuôn viên phù hợp an toàn, có sân chơi và đồ chơi đầy đủ theo quy định.

3. Điểm yếu

Đồ chơi tự làm trò chơi dân gian chưa được bền.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì sĩ số học sinh để đảm bảo diện tích bình quân trên trẻ. Phó hiệu trưởng phát động tổ giáo viên tham gia hội thi làm đồ chơi dân gian cho trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2024-2025, nhà trường sử dụng 06 phòng học phục vụ cho hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ cụ thể như sau: 01 phòng cho nhóm trẻ 25-36 tháng tuổi, 01 phòng học cho lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 02 phòng học cho lớp mẫu giáo 4-5 tuổi và 02 phòng học cho lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H1-1.5-01].

b) Trường có phòng sinh hoạt chung được kết hợp sử dụng làm phòng ngủ cho trẻ. Trường có 01 phòng giáo dục thể chất để tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ và 01 phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo được nhu cầu tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại trường [H1-1.1-02].

c) Tất cả các phòng trong trường đều có hệ thống đèn chiếu sáng đầy đủ, có hệ thống quạt đảm bảo thoáng mát cho trẻ khi hoạt động; có trang bị tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Các phòng sinh hoạt chung ở các nhóm, lớp và phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật đều có diện tích 60m², các phòng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định [H3-3.1-01].

b) Trường có trang bị đầy đủ tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu, theo quy định và được xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-01]. Phòng giáo dục thể chất và phòng giáo dục nghệ thuật có trang bị đầy đủ thiết bị đồ dùng, đồ chơi, tủ kệ phù hợp với chức năng của từng phòng và được sắp xếp ngăn nắp, khoa học; các phòng đều được lát sàn gỗ sạch sẽ, đảm bảo an toàn cho trẻ khi sử dụng [H1-1.1-02]; [H3-3.1-01].

Mức 3:

Trường có phòng giáo dục nghệ thuật dùng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc, chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [H3-3.1-01].

Nhà trường có các phòng học, phòng sinh hoạt, phòng giáo dục thể chất và giáo dục nghệ thuật được trang bị đầy đủ trang thiết bị phù hợp, đảm bảo an toàn và đáp ứng được nhu cầu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì số phòng học tương ứng với số nhóm lớp cũng như các phòng chức năng hiện có. Hiệu trưởng có kế hoạch trung dụng phòng hội trường, bổ sung các trang thiết bị như bảng tương tác, máy tính để tổ chức cho trẻ làm quen ngoại ngữ, tin học một cách phù hợp, hiệu quả, đảm bảo yêu cầu.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;*
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 20/10 có đầy đủ các loại phòng theo quy định tại Thông tư số 13/2020 TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học như: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, văn phòng trường, phòng dành cho nhân viên, phòng bảo vệ, nhà vệ sinh, khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường [H3-3.1-01].

b) Tất cả các phòng đều có đầy đủ các trang thiết bị để làm việc như: phòng hiệu trưởng có bàn làm việc, máy lạnh, máy vi tính, máy in, tủ đựng hồ sơ, bàn ghế tiếp khách, hệ thống màn hình camera toàn trường; phòng phó hiệu trưởng có bàn ghế làm việc, tủ đựng hồ sơ chuyên môn, bàn họp chuyên môn, máy lạnh, máy vi tính, máy in; văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế, biểu bảng, tủ đựng hồ sơ, máy lạnh; phòng dành cho nhân viên có bàn, ghế làm việc, có kệ sách, có bàn ghế đọc sách, có tủ đựng đồ dùng, có ghế bố nằm, có máy lạnh, quạt; phòng bảo vệ có bàn ghế làm việc, giường ngủ, quạt tường, tủ kệ đựng đồ dùng; nhà vệ sinh giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên có đủ các trang thiết bị vệ sinh, máy sấy tay; khu để xe có mái che, rào chắn an toàn [H1-1.1-02].

c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí sát tường, gần cổng ra vào và phòng bảo vệ, đảm bảo an toàn trật tự cho đội ngũ khi sử dụng [H1-1.1-02]; [H3-3.1-01].

Mức 2:

a) Văn phòng trường diện tích 30m², phòng hiệu trưởng diện tích 19m², phòng phó hiệu trưởng diện tích 13m², phòng hành chính quản trị diện tích 19m², phòng y tế diện tích 13,30 m², phòng dành cho nhân viên diện tích 19m², phòng bảo vệ diện tích 10,98 m² được đặt ngay sát cổng chính của trường thuận lợi cho việc quan sát, theo dõi mọi hoạt động ra vào của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, trẻ và khách liên hệ công tác [H3-3.1-01]; [H1-1.1-02].

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che, có hàng rào đảm bảo an toàn, trật tự, tiện lợi [H3-3.1-01]; [H1-1.1-02]. Tuy nhiên, khu để xe vẫn chưa đảm bảo diện tích cho tất cả các xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên trường.

Mức 3:

Trường có đủ các phòng đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non: phòng hiệu trưởng có diện tích 19m², văn phòng trường diện tích 30m², phòng phó hiệu trưởng diện tích 13,30m², phòng hành chính quản trị diện tích 19m², phòng y tế diện tích 13,30m², phòng bảo vệ diện tích 10,98 m², phòng dành cho nhân viên diện tích 19m², phòng hội trường đồng thời cũng là phòng họp chung có diện tích 72m² [H3-3.1-01]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định; các phòng được trang bị đầy đủ phương tiện, trang thiết bị để phục vụ cho công tác chuyên môn.

3. Điểm yếu

Khu để xe vẫn chưa đảm bảo diện tích cho tất cả các xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hoạt động của khối phòng hành chính, quản trị một cách hiệu quả, từng bước thay thế, bổ sung các đồ dùng trang thiết bị, đảm bảo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên làm việc hiệu quả. Tháng 12 năm 2024, hiệu trưởng có kế hoạch đề xuất sửa chữa kinh phí của Quận năm 2025-2026 cải tạo, mở rộng khu để xe để đảm bảo đủ diện tích cho tất cả các xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;

b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 20/10 có 01 bếp ăn được đặt tại tầng hai đảm bảo diện tích theo quy định, được xây dựng kiên cố, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc nuôi dưỡng [H3-3.3-01]; [H1-1.1-02].

b) Trường có kho thực phẩm nằm cạnh bếp ăn đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm để dự trữ sữa cho trẻ sử dụng hằng ngày [H1-1.1-02].

c) Trường có tủ lạnh dùng để lưu mẫu thức ăn hằng ngày của trẻ được đặt ở trong bếp [H1-1.1-02].

Mức 2:

Bếp ăn có diện tích 79,80m²/191 trẻ-bình quân 0,41m²/trẻ; được sắp xếp theo quy trình bếp một chiều từ khu tiếp phẩm, sơ chế, khu rửa, xắt thái, chế biến, phân chia thức ăn; được trang bị đầy đủ các đồ dùng, dụng cụ để chế biến và phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường; tủ lạnh, xe đẩy, tủ hấp cơm, máy xay thịt, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn của trẻ hằng ngày được đặt ở bếp; có đủ nước sạch đạt yêu cầu quy định để sử dụng chế biến thức ăn cho trẻ; rác và chất thải được thu gom và xử lý đúng quy định; đảm bảo các yêu cầu về phòng chống cháy nổ [H1-1.1-02].

Mức 3:

Bếp ăn thông thoáng, đủ ánh sáng; có lưới để chống côn trùng; tường, trần và sàn nhà bằng phẳng thuận tiện cho việc vệ sinh và khử trùng; bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện phải được làm bằng vật liệu dễ cọ rửa. Có đủ các phương tiện,

trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng; dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống làm bằng nhựa melamin, inox bảo đảm an toàn, vệ sinh khi sử dụng; có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng; có hệ thống thiết bị bảo quản thực phẩm, nhà vệ sinh và thu dọn chất thải, rác thải hằng ngày sạch sẽ [H1-1.1-02]. Khu vực chế biến của nhà bếp còn rất nóng khi thời tiết có nhiệt độ cao làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của nhân viên nấu ăn.

2. Điểm mạnh

Bếp được xây dựng theo quy trình một chiều và trang bị đầy đủ đồ dùng để chế biến và phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường.

3. Điểm yếu

Khu vực chế biến của nhà bếp còn rất nóng khi thời tiết có nhiệt độ cao làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của nhân viên nấu ăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hoạt động bếp ăn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo đủ các trang thiết bị, đồ dùng phù hợp với quy định. Học kỳ II năm học 2024 - 2025, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch cải tạo hạn chế độ nóng trong khu vực chế biến của nhà bếp, tăng cường thêm quạt thông gió giúp giảm bớt độ nóng để không ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của nhân viên nấu ăn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 về thiết bị dạy học ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.4-01].

b) Trường có trang bị các đồ chơi ngoài danh mục quy định và bổ sung các đồ dùng đồ chơi giáo viên tự làm đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

c) Hằng năm, các bộ phận kiểm kê, sửa chữa thiết bị đồ dùng, đồ chơi để đảm bảo an toàn cũng như phục vụ tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H3-3-06-01].

Mức 2:

a) Trường trang bị hệ thống máy tính được kết nối internet, mạng nội bộ phục vụ công tác quản lý và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.6-03].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo quy định để phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.6-03]; [H1-1.1-02].

c) Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trong và ngoài danh mục quy định, các đồ dùng, đồ chơi tự làm để

phục vụ tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H3-3.6-01]; [H1-1.6-03].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định được giáo viên khai thác và sử dụng để tổ chức các hoạt động cho trẻ đạt hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, các đồ dùng, đồ chơi tự làm chưa có độ bền cao để có thể duy trì và phát huy qua các năm học [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi theo danh mục. Ngoài ra trường còn đầu tư một số đồ chơi ngoài danh mục. Các đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ. Có kế hoạch sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự làm chưa có độ bền cao để có thể duy trì và phát huy qua các năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy hiệu quả sử dụng các trang thiết bị, đồ dùng. Phó hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục rà soát kiểm tra để bổ sung kịp thời đồ chơi theo danh mục đồng thời xây dựng kế hoạch đề xuất bổ sung thêm đồ chơi phát triển trí tuệ, giới thiệu tư liệu từ mạng internet, khuyến khích giáo viên sưu tầm, tham khảo, chia sẻ thông tin để giáo viên có ý tưởng trong việc làm đồ dùng, đồ chơi sáng tạo có độ bền cao, sử dụng lâu hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

a) Nhà trường có 06 lớp học tương ứng 06 phòng vệ sinh cho trẻ; có 03 khu vệ sinh chung cho cán bộ quản lý, nhân viên. Các khu vực vệ sinh đảm bảo thuận tiện cho việc sử dụng, luôn sạch sẽ, khô ráo, không ô nhiễm môi trường. [H3-3.1-01]; [H1-1.1-02].

b) Hệ thống cấp thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; trường ký hợp đồng với Công ty nước Aqua-star cung cấp nước uống mỗi ngày cho trẻ; sử dụng nguồn nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ từ Công ty cấp nước Chợ Lớn [H1-1.10-06].

c) Trường bố trí đủ các thùng đựng rác có nắp đậy để đựng và phân loại rác; rác được thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý tập trung hằng ngày đảm bảo không để rác tồn đọng và gây ô nhiễm môi trường [H1-1.1-02].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ được bố trí khép kín trong từng nhóm lớp; xây dựng phù hợp theo quy định, có phân chia khu vực bé trai, bé gái, thuận tiện cho trẻ sử dụng [H1-1.1-02]. Khu vực vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên được bố

trí ở tất cả các tầng, [H1-1.1-02]. Tuy nhiên, hệ thống thoát nước từ các bồn rửa tay nhà vệ sinh trẻ thường xuyên bị nghẹt và thấm xuống tầng dưới.

b) Trường có hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: trường dùng nguồn nước từ Công ty cấp nước Chợ Lớn đảm bảo quy định theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước uống, [H1-1.1-02]; [H1-1.10-06].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ phòng vệ sinh dành cho trẻ, sử dụng nguồn nước máy sạch có hệ thống thoát nước, có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, sử dụng hệ thống cung cấp nước sạch Chợ Lớn, đảm bảo đủ nước uống và nước dùng trong sinh hoạt cho trẻ, cán bộ, giáo viên, nhân viên.

3. Điểm yếu

Hệ thống thoát nước từ các bồn rửa tay nhà vệ sinh trẻ thường xuyên bị nghẹt và thấm xuống tầng dưới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, trường tiếp tục duy trì khu vệ sinh dành cho trẻ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; sử dụng hệ thống nước sạch. Tháng 12 năm 2024, hiệu trưởng đề xuất sửa chữa kinh phí Quận của năm học 2025-2026 chống thấm toàn bộ nhà vệ sinh của trẻ ở tầng 1 và tầng 2, thông cống để đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

*** Điểm mạnh nổi bật**

Trường thoáng mát, có biển tên, có tường rào bao quanh khuôn viên. Hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn, sạch sẽ, thoáng mát. Trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi trong lớp

và ngoài trời theo danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ. Bếp được xây dựng theo quy trình một chiều và trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ học bán trú.

*** Điểm yếu cơ bản**

Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

Khu để xe vẫn chưa đảm bảo diện tích cho tất cả các xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên trường.

Khu vực chế biến của nhà bếp còn rất nóng khi thời tiết có nhiệt độ cao làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của nhân viên nấu ăn.

Đồ dùng đồ chơi do giáo viên tự làm chưa có độ bền cao.

Hệ thống thoát nước từ các bồn rửa tay nhà vệ sinh trẻ thường xuyên bị nghẹt và thấm xuống tầng dưới.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ nhiệt tình năng nổ hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp. Trường làm tốt công tác tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện góp phần xây dựng nhà trường ngày phát triển.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường tiến hành tổ chức họp và bầu ra Ban đại diện cha mẹ trẻ. Ban đại diện cha mẹ trẻ có 05 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban, 01 phó ban và 03 ủy viên [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ trẻ căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị để thảo luận, bàn bạc và thống nhất kế hoạch hoạt động theo từng năm học [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ thực hiện đúng tiến độ kế hoạch hoạt động theo nghị quyết đại hội đã đề ra vào đầu năm học [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ mạnh dạn phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; Tuy nhiên, một số phụ huynh mới chưa tham gia đầy đủ các buổi họp ở các nhóm lớp nên chưa phối hợp tốt với nhà trường trong một số hoạt động [H4-4.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ và hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ. Nhà trường hướng dẫn, tuyên

truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ. Ban đại diện cha mẹ trẻ luôn phối hợp cùng nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh mới chưa tham gia đầy đủ các buổi họp ở các nhóm lớp nên chưa phối hợp tốt với nhà trường trong một số hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những mặt mạnh, tăng cường công tác tham mưu với Ban đại diện cha mẹ trẻ để thực hiện tốt 03 môi trường giáo dục: gia đình, nhà trường và xã hội. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên duy trì công tác phối kết hợp với phụ huynh thông qua các buổi họp bằng nhiều hình thức, thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông nhằm giúp phụ huynh có nhận thức tốt về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đồng thời tham gia đầy đủ hơn trong các buổi họp định kỳ trong năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, trường phối hợp với Ủy ban nhân dân phường An Lạc A để nắm được tình hình thực tế của địa phương về số liệu trẻ 5 tuổi, trẻ thuộc diện hộ nghèo để miễn giảm học phí nhằm xây dựng kế hoạch năm học của nhà trường phù hợp [H1-1.1-01].

b) Nhà trường phối hợp tốt với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân, Đảng ủy phường An Lạc A, Ủy ban nhân dân quận Bình Tân và cha mẹ trẻ để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch năm học của nhà trường bằng nhiều hình thức: họp Ban đại diện cha mẹ trẻ; trao đổi trực tiếp giữa cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ [H4-4.1-01].

c) Trường thường xuyên liên hệ chặt chẽ, phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ để vận động thực hiện công tác xã hội hóa [H4-4.1-01]; [H4-4.2-01].

Mức 2:

a) Đầu năm học, nhà trường phối hợp với Ủy ban nhân dân phường An Lạc A thống kê danh sách học sinh thuộc hộ nghèo, dân tộc Khơ-me để thực hiện chế độ miễn giảm học phí theo quy định tạo điều kiện hoàn thành công tác phổ cập mầm non; xây dựng trường học an toàn về an ninh trật tự giúp nhà trường thực hiện tốt phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01].

b) Hằng năm, trường liên hệ với Ủy ban nhân dân phường An Lạc A tổ chức cho trẻ viếng nhà bia liệt sĩ; phối hợp với công đoàn, chi đoàn tổ chức các

ngày lễ lớn trong năm phù hợp với truyền thống văn hóa địa phương, đơn vị [H1-1.1-02].

Mức 3:

Lãnh đạo Quận ủy, chính quyền phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành điểm sinh hoạt của câu lạc bộ đàn ca tài tử Hương Việt của phường An Lạc A. Tuy nhiên, đôi lúc hệ thống âm thanh sinh hoạt của câu lạc bộ đàn ca tài tử ảnh hưởng đến thời gian nghỉ ngơi của các hộ dân ở gần khu vực xung quanh trường học [H4-4.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Hệ thống âm thanh của điểm sinh hoạt câu lạc bộ đàn ca tài tử Hương Việt ảnh hưởng đến thời gian nghỉ ngơi của các hộ dân ở gần khu vực xung quanh trường học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025, hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tăng cường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ giữa ba môi trường gia đình, nhà trường và xã hội, với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất nhằm thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, tạo sự đồng thuận trong cha mẹ trẻ. Hiệu trưởng có kế hoạch làm việc với câu lạc bộ đàn ca tài tử Hương Việt để hạn chế hệ thống âm thanh làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của các hộ dân ở khu vực xung quanh trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 4

*** Điểm mạnh nổi bật**

Ban đại diện cha mẹ trẻ hoạt động đúng Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, cá nhân và cha mẹ trẻ để giữ gìn an ninh trật tự, huy động được các nguồn lực giúp nhà trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

*** Điểm yếu cơ bản**

Một số phụ huynh mới chưa tham gia đầy đủ các buổi họp ở các nhóm lớp nên chưa phối hợp tốt với nhà trường trong một số hoạt động.

Hệ thống âm thanh của điểm sinh hoạt câu lạc bộ đờn ca tài tử Hương Việt ảnh hưởng đến thời gian nghỉ ngơi của các hộ dân ở gần khu vực xung quanh trường học.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/00

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo chỉ đạo của ngành. Giáo viên biết sử dụng phương pháp dạy học tích cực, hình thức giáo dục đa dạng khi tổ chức các hoạt động nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện đáp ứng được mục tiêu và kết quả mong đợi theo từng độ tuổi. Trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì luôn được quan tâm chăm sóc.

Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ là mục tiêu cơ bản, nhiệm vụ hàng đầu của Trường Mầm non 20/10 nhằm hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp Một.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học theo quy định, triển khai kịp thời đến tổ chuyên môn và các nhóm lớp thực hiện [H1-1.4-03]. Chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non; dựa trên kế hoạch của trường, giáo viên xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch của lớp theo nội dung cụ thể phù hợp với từng độ tuổi và tình hình thực tế theo đúng kế hoạch chỉ đạo [H1-1.4-03].

b) Năm học 2023 - 2024, trường thực hiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân, nội dung kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị; các kế hoạch luôn đảm bảo tính vừa sức, khoa học, đi từ dễ đến khó và có sự liên thông giữa các độ tuổi [H1-1.4-03].

c) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được phó hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục, tổ chuyên môn định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, kiểm tra giúp giáo viên các nhóm, lớp tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch đề ra và có điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục kịp thời, phù hợp giúp trẻ phát triển tốt về các mặt [H1-1.4-03].

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý chỉ đạo tổ chuyên môn cùng các nhóm lớp xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch giáo dục. Kết quả có 07/07 nhóm, lớp xây dựng và thực hiện Chương trình giáo dục mầm non hiệu quả theo kế hoạch đề ra đạt tỷ lệ 100% [H1-1.4-03].

b) Phó hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục đã chỉ đạo giáo viên phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân, đáp ứng đầy đủ khả năng và nhu cầu của trẻ phát triển Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với văn hóa địa phương qua việc lập kế hoạch giáo dục có lồng ghép các yếu tố liên quan đến văn hóa của địa phương [H1-1.8-01].

Mức 3:

a) Khi phát triển Chương trình giáo dục mầm non, giáo viên chưa mạnh dạn tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới [H1-1.8-01].

b) Hằng năm, nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục và có sự điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ [H1-1.8-01].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non, có theo dõi, rà soát và đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Giáo viên phát triển Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với văn hóa địa phương cũng như đáp ứng khả năng, nhu cầu của trẻ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Giáo viên chưa mạnh dạn tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới khi phát triển Chương trình giáo dục mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, giáo viên tiếp tục thực hiện và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đáp ứng khả năng, nhu cầu của trẻ và phù hợp với tình hình của địa phương, đơn vị. Cán bộ quản lý động viên, hướng dẫn giáo viên mạnh dạn học tập Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của trẻ [H1-1.4-03].

b) Giáo viên xây dựng môi trường giáo dục theo tiêu chí lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thế mạnh của trẻ; tạo điều kiện giúp trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H1-1.1-02].

c) Khi tổ chức các hoạt động giáo dục, giáo viên chú trọng lựa chọn các hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi. Tăng cường tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm lớp [H1-1.4-03].

Mức 2:

Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. Trong đó, chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.4-03].

Mức 3:

Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng và kích thích hứng thú của trẻ. Tuy nhiên, trong một số hoạt động, giáo viên chưa tận dụng hết các cơ hội cho trẻ tham gia vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Giáo viên linh hoạt tổ chức các hoạt động đa dạng, phong phú giúp trẻ mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp, chủ động, tích cực, tìm tòi, khám phá; xây dựng môi trường giáo dục phù hợp với nhu cầu, khả năng và kích thích hứng thú của trẻ.

3. Điểm yếu

Giáo viên chưa tận dụng hết các cơ hội cho trẻ tham gia vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” trong một số hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, giáo viên tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; sử dụng các phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức hoạt động phù hợp điều kiện thực tế và nhu cầu hứng thú của trẻ. Cán bộ quản lý thường xuyên dự giờ, góp ý giáo viên tận dụng tối đa cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, trường phối hợp với Bệnh viện Bình Tân tổ chức khám sức khỏe, phân loại tình trạng dinh dưỡng cho trẻ; phối hợp với Trạm y tế phường An Lạc A tiêm ngừa vắc-xin sởi, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng [H1-1.10-06].

b) 228/228 trẻ, tỷ lệ 100% được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H1-1.10-06].

c) Ngay từ đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì với những biện pháp phù hợp: trẻ suy dinh dưỡng được uống sữa bổ sung thêm trong khẩu phần ăn xế; trẻ thừa cân béo, phì được bổ sung thêm rau trong bữa ăn chính và tăng cường vận động mỗi ngày. Năm học 2023-2024, trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân đầu vào là 03/228, đầu ra 03/228, xóa 03/03, tỷ lệ 100%; trẻ thừa cân, béo phì đầu vào là 34/228, đầu ra 21/228, giảm 13/34, tỷ lệ 38,23% [H1-1.10-06].

Mức 2:

a) Nhân viên y tế của trường thường xuyên tư vấn với cha mẹ trẻ về kinh nghiệm chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng; tuyên truyền một số biện pháp phòng chống dịch bệnh [H1-1.10-06].

b) Trường sử dụng phần mềm dinh dưỡng Foodkids để xây dựng thực đơn, tính khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ [H1-1.4-04]. Khẩu phần dinh dưỡng cân đối, có phối hợp thực đơn theo mùa, trẻ được ăn 03 bữa trong ngày, 02 bữa chính, 01 bữa phụ và đạt năng lượng cơ cấu từng bữa ăn theo qui định. Chế độ

dinh dưỡng của trẻ tại trường được theo dõi thường xuyên đảm bảo không bị trùng lặp thực đơn, các loại thực phẩm cân đối, hài hòa đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định [H1-1.4-04]. Nhà trường ký hợp đồng với các công ty cung cấp thực phẩm đảm bảo yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.4-04].

c) Đầu năm, phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng đã xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, qua đó đưa ra nhiều biện pháp nhằm đảm bảo sức khỏe cho trẻ, giúp giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì [H1-1.4-04]. Thông qua kết quả đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ đầu năm học, học kỳ I, cuối năm học có 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp tuy nhiên tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì giảm còn thấp do một số phụ huynh chưa phối hợp triệt để với nhà trường trong việc giảm cân cho trẻ [H1-1.4-04].

Mức 3:

Năm học 2023-2024, trường có 206/228 trẻ khỏe mạnh, chiều cao cân nặng phát triển bình thường đạt tỉ lệ 90,35%. Tuy nhiên, tỷ lệ này chưa đạt so với yêu cầu [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với Bệnh viện quận Bình Tân để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ; luôn đảm bảo cân đối nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ theo quy định. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì có kế hoạch chăm sóc, được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì giảm còn thấp do một số phụ huynh chưa phối hợp triệt để với nhà trường trong việc giảm cân cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ đồng thời duy trì các chế độ ăn đảm bảo khẩu phần dinh

đưỡng cho trẻ. Trong học kỳ II năm học 2024 - 2025, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng xây dựng kế hoạch nội dung các vận động tập luyện cho trẻ sao cho phù hợp, đảm bảo củng cố, phát triển những vận động cho trẻ béo phì đồng thời chuẩn bị cho những kỹ năng vận động tăng cường chiều cao cho trẻ. Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng và nhân viên y tế nhà trường đưa các biện pháp cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ và hạn chế tốc độ tăng cân cho trẻ thừa cân, béo phì, trong đó đẩy mạnh biện pháp giảm tỷ lệ thừa cân, béo phì, kết hợp với cha mẹ trẻ, có kế hoạch mời bác sĩ báo cáo chuyên đề về “Sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ thừa cân, béo phì” để tuyên truyền đến cha mẹ trẻ chế độ dinh dưỡng và vận động hợp lý cho con em mình.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường luôn tạo tâm thế tốt để trẻ đến trường: xây dựng môi trường thân thiện, thay mới đồ dùng đồ chơi. Vì vậy, trẻ rất vui thích khi đến trường, tỷ lệ chuyên cần của trẻ toàn trường đạt 90,33%, trong đó tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi đạt 95,56%; trẻ dưới 5 tuổi đạt 93,55% [H1-1.4-04].

b) Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non. 120/120 trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non, đạt tỷ lệ 100% [H5-5.2-01].

c) Trong năm học 2023-2024, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-03].

Mức 2:

a) Trong năm học 2023-2024, tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi đạt 95,56%; trẻ dưới 5 tuổi đạt 93,55% [H1-1.4-03].

b) 81/81 trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non, đạt tỷ lệ 100% [H5-5.2-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 3:

a) Trong năm học 2023-2024, trường có 81/81 trẻ 5 tuổi, tỷ lệ 100% hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.2-01].

b) Năm học 2023-2024, nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tỷ lệ chuyên cần đảm bảo trên 95% đối với trẻ 5 tuổi, trên 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của các trường trong quận.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Để tỷ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi đạt cao hơn trong những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục vận động, tuyên truyền, tổ chức các hoạt động học tập và vui chơi có hiệu quả tại trường nhằm giúp phụ huynh thấy được tầm quan trọng của việc cho trẻ đến trường mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận tiêu chuẩn 5

*** Điểm mạnh nổi bật**

Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đúng Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Giáo viên theo dõi, rà soát và đánh giá để điều chỉnh kịp thời. Bên cạnh đó, giáo viên cũng quan tâm phát triển Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với tình hình thực tế đơn vị đáp ứng khả năng, nhu cầu của trẻ góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

Nhà trường quan tâm chỉ đạo và tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng nên trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được cải thiện rõ rệt so với đầu năm học.

*** Điểm yếu cơ bản**

Giáo viên chưa mạnh dạn tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới khi phát triển Chương trình giáo dục mầm non.

Giáo viên chưa tận dụng hết các cơ hội cho trẻ tham gia vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” trong một số hoạt động.

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì giảm còn thấp

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của các trường trong quận.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/00

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Kiểm định chất lượng giáo dục có vai trò như những chuyên gia tư vấn, sẵn sàng giúp nhà trường giải quyết vấn đề tồn đọng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục và kết quả kiểm định góp phần định hướng các hoạt động của nhà trường trong thời gian tới ngày càng đạt hiệu quả cao.

Qua quá trình tự đánh giá, nhà trường đạt được kết quả như sau:

- Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 25/25, tỷ lệ: 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 00/25, tỷ lệ: 00,00%

- Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 25/25, tỷ lệ: 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 00/25, tỷ lệ: 00,00%

- Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 04/19, tỷ lệ: 21,05%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 15/19, tỷ lệ: 78,94%

- Mức đánh giá của Trường Mầm non 20/10: Mức 2;

- Trường Mầm non 20/10 quận Bình Tân đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và Chuẩn Quốc gia Mức độ 1./.

Bình Tân, ngày 05 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Huỳnh Hồng Trang

Phần IV. PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; báo cáo sơ kết, tổng kết	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hành chính
	2	[H1-1.1-02]	Hình ảnh - Khuôn viên sân trường - Khối phòng hành chính – quản trị	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			- Khối phòng tổ chức ăn - Môi trường giáo dục - Nhà vệ sinh - Vườn rau của bé - Bản tin tuyên truyền - Tình trạng buôn bán trước cổng trường - Tổ chức khám sức khỏe cho bé - Tổ chức tiêm vaccine ngừa sởi - Tham gia dự thi giáo			

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			viên dạy giỏi - Các hoạt động tổ chức ngoại khóa cho bé - Các lễ hội trong năm			
	3	[H1-1.1-03]	Sổ hợp cán bộ quản lý	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ Hội đồng trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ thi đua-khen thưởng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ chăm sóc kiến	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ công đoàn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Công đoàn trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Chi đoàn trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ hội chữ thập đỏ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ hội	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non	Phòng Phó

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			khuyến học		20/10	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ Chi bộ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ nhân sự	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ quản lý giáo dục	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ quản lý chăm sóc, nuôi dưỡng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ giáo viên dạy giỏi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Giấy khen “Tập thể lao động tiên tiến”	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Hồ sơ học sinh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.5-02]	Sổ điểm danh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng hành chính
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ lưu trữ văn bản công văn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng hành Chính

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ quản lý tài chính	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Trường Mầm non 20/10	Phòng hành chính
	3	[H1-1.6-03]	Hồ sơ quản lý tài sản	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023	Trường Mầm non 20/10	Phòng hành chính
	4	[H1-1.6-04]	Biên bản kiểm tra tài chính, tài sản của cấp trên	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng hành chính
Tiêu chí	1	[H1-1.7-01]	Hồ sơ bồi dưỡng	Từ năm học 2019-2020	Trường Mầm non	Phòng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
1.7			đội ngũ	đến năm học 2023-2024	20/10	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Bảng phân công phân nhiệm cán bộ, giáo viên, nhân viên	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Hồ sơ hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của các nhóm lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Hồ sơ đánh giá trẻ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non	Phòng Phó

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
					20/10	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ quy chế dân chủ, quy chế tổ chức hoạt động trong trường mầm non.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ tiếp công dân	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ về an toàn an ninh trật tự	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ an toàn vệ sinh thực phẩm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	3	[H1-1.10-03]	Hồ sơ phòng chống tai nạn, thương tích	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H1-1.10-05]	Hồ sơ phòng chống thảm họa, thiên tai	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
	6	[H1-1.10-06]	Hồ sơ y tế học đường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Y tế
	7	[H1-1.10-07]	Sổ trực bảo vệ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Y tế
	8	[H1-1.10-08]	Hồ sơ pháp chế	Từ năm học 2019-2020	Trường Mầm non	Phòng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				đến năm học 2023-2024	20/10	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá, xếp loại chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Hồ sơ đánh giá cán bộ công chức	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Danh mục đồ chơi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non	Phòng Phó

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			ngoài trời		20/10	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Sổ tài sản lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Nhóm lớp
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Danh mục đồ chơi theo quy định	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Danh mục đồ chơi ngoài quy định	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	[H3-3.5-02]	Danh mục đồ chơi tự tạo	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Kế hoạch sửa chữa mua sắm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện Cha mẹ trẻ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Văn bản tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường An Lạc A	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Danh sách trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường Mầm non 20/10	Phòng phó Hiệu trưởng